

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA
LUẬT THỐNG KÊ VỚI LUẬT THỐNG KÊ SỐ 89/2015/QH13**

LUẬT THỐNG KÊ SỐ 89/2015/QH13	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ	THUYẾT MINH
	Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê	
Điều 3. Giải thích từ ngữ	1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 8, khoản 9, khoản 11 và bổ sung khoản 10b sau khoản 10 Điều 3 như sau:	
5. <i>Cơ sở dữ liệu thống kê</i> là tập hợp những dữ liệu, thông tin thống kê có liên quan với nhau được sắp xếp, tổ chức theo một cấu trúc nhất định để quản lý, cập nhật và khai thác phục vụ cho mục đích thống kê và mục đích khác theo quy định của pháp luật. Cơ sở dữ liệu thống kê được hình thành chủ yếu từ dữ liệu, thông tin thống kê của điều tra thống kê, hồ sơ hành chính, báo cáo thống kê và cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, cơ sở dữ liệu của địa phương.	a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau: “5. <i>Cơ sở dữ liệu thống kê</i> là tập hợp những dữ liệu, thông tin thống kê có liên quan với nhau được sắp xếp, tổ chức theo một cấu trúc nhất định để, khai thác, quản lý và cập nhật phục vụ cho mục đích thống kê và mục đích khác theo quy định của pháp luật. Cơ sở dữ liệu thống kê được hình thành chủ yếu từ dữ liệu, thông tin thống kê của điều tra thống kê, hồ sơ hành chính, báo cáo thống kê và cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của đơn vị chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của địa phương.”.	Sửa để phù hợp với quy định của Luật Dữ liệu

LUẬT THỐNG KÊ SỐ 89/2015/QH13	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ	THUYẾT MINH
8. <i>Điều tra thống kê</i> là hình thức thu thập dữ liệu, thông tin thống kê về đối tượng nghiên cứu cụ thể theo phương pháp khoa học, thống nhất được xác định trong phương án điều tra thống kê cho mỗi lần điều tra.	b) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau: “8. <i>Điều tra thống kê</i> là hình thức thu thập dữ liệu, thông tin thống kê về đối tượng nghiên cứu cụ thể theo phương pháp khoa học, thống nhất được xác định trong phương án điều tra thống kê cho mỗi lần cuộc điều tra.”.	Sửa để phù hợp với thực tiễn hoạt động thống kê, vì mỗi cuộc điều tra có thể gồm nhiều kỳ điều tra (lần)
9. <i>Điều tra viên thống kê</i> là người được cơ quan, tổ chức tiến hành điều tra thống kê trung tập, huy động để thực hiện việc thu thập thông tin của cuộc điều tra thống kê.	c) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau: “9. <i>Điều tra viên thống kê</i> là người được cơ quan, tổ chức tiến hành điều tra thống kê trung tập, huy động, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện, hướng dẫn việc thu thập thông tin của cuộc điều tra thống kê.”.	- Khái niệm điều tra viên hiện hành không còn phù hợp với hình thức thu thập thông tin thông qua Webform - Phù hợp với quy định tại Điều 34 của Luật này
11. <i>Hoạt động thống kê</i> là hoạt động xác định nhu cầu thông tin cần thu thập; chuẩn bị thu thập; thu thập; xử lý và tổng hợp; phân tích và dự báo; công bố, phổ biến và lưu trữ thông tin thống kê về hiện tượng nghiên cứu trong điều kiện không gian và thời gian cụ thể.	d) Sửa đổi, bổ sung khoản 11 như sau: “11. <i>Hoạt động thống kê</i> là hoạt động xác định nhu cầu thông tin cần thu thập; chuẩn bị thu thập; thu thập; xử lý và tổng hợp; phân tích và dự báo; công bố, phổ biến và lưu trữ; đánh giá chất lượng thông tin thống kê về hiện tượng nghiên cứu trong điều kiện không gian và thời gian cụ thể.”.	Phù hợp với thông lệ quốc tế, theo đó nội dung liên quan đến đánh giá chất lượng thông tin thống kê là một giai đoạn của hoạt động thống kê

LUẬT THỐNG KÊ SỐ 89/2015/QH13	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ	THUYẾT MINH
	đ) Bổ sung khoản 10b sau khoản 10 như sau: <i>“10b. Hệ thống chỉ tiêu thống kê liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, liên kết vùng gồm các chỉ tiêu thống kê có tính chất tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực, phục vụ đánh giá, giám sát việc thực hiện pháp luật chuyên ngành, chiến lược, chính sách, chương trình, mục tiêu quốc gia.”.</i>	Bổ sung để phù hợp với thực tiễn hoạt động thống kê.
Điều 5. Nguyên tắc cơ bản của hoạt động thống kê và sử dụng dữ liệu, thông tin thống kê 3. Nguyên tắc cơ bản của sử dụng dữ liệu và thông tin thống kê gồm: b) Bình đẳng trong tiếp cận và sử dụng dữ liệu, thông tin thống kê nhà nước đã được công bố;	2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 5 như sau: “b) Bình đẳng trong tiếp cận, khai thác và sử dụng dữ liệu, thông tin thống kê nhà nước đã được công bố;”.	Phù hợp với khoản 2 Điều 5 của Luật Dữ liệu
Điều 14. Hệ thống thông tin thống kê bộ, ngành 2. Thông tin thống kê trong hệ thống thông tin thống kê bộ, ngành gồm: b) Thông tin thống kê do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh thực hiện, cung cấp cho bộ, ngành tổng hợp.	3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 14 như sau: “b) Thông tin thống kê do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; , Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, khu vực; Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, khu vực thực hiện, cung cấp cho bộ, ngành tổng hợp.”.	- Thống nhất với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân. - Phản ánh toàn diện và đầy đủ nguồn

LUẬT THỐNG KÊ SỐ 89/2015/QH13	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ	THUYẾT MINH
		thông tin hình thành nên hệ thống thông tin thống kê bộ, ngành.
Điều 19. Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành	4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 4 và bổ sung khoản 2a trước khoản 2 Điều 19 như sau:	
1. Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành là tập hợp các chỉ tiêu thống kê do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành để thu thập thông tin thống kê hình thành hệ thống thông tin thống kê bộ, ngành.	a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau: “1. Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành là tập hợp các chỉ tiêu thống kê do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành để thu thập thông tin thống kê hình thành hệ thống thông tin thống kê bộ, ngành và hệ thống thông tin thống kê quốc gia. ”.	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn hoạt động thống kê.
2. Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành gồm: a) Các chỉ tiêu thống kê bộ, ngành do bộ, ngành đó thực hiện; b) Các chỉ tiêu thống kê bộ, ngành do bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có liên quan được phân công thực hiện theo yêu cầu quản lý ngành, lĩnh vực; c) Các chỉ tiêu thống kê bộ, ngành do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cơ	b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau: “2. Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành gồm các chỉ tiêu thống kê bộ, ngành do: a) Các chỉ tiêu thống kê bộ, ngành do Bộ, ngành đó thực hiện; b) Các chỉ tiêu thống kê bộ, ngành do Bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và các cơ quan có liên quan	Thống nhất với khoản 2a của Điều này.

LUẬT THỐNG KÊ SỐ 89/2015/QH13	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ	THUYẾT MINH
quan chuyên môn thuộc bộ, cơ quan ngang bộ tại đơn vị hành chính cấp tỉnh thực hiện cung cấp cho bộ, ngành tổng hợp.	được phân công thực hiện theo yêu cầu quản lý ngành, lĩnh vực; c) Các chỉ tiêu thống kê bộ, ngành do Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; Tòa án nhân dân cấp tỉnh, khū vực; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, khū vực cơ quan chuyên môn thuộc bộ, cơ quan ngang bộ đặt tại đơn vị hành chính cấp tỉnh thực hiện cung cấp cho bộ, ngành tổng hợp.”.	
4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.	c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau: “4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.”.	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn hoạt động thống kê.
	d) Bổ sung khoản 2a trước khoản 2 như sau: “2a. Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành gồm hệ thống chỉ tiêu thống kê liên quan đến ngành, lĩnh vực do bộ, ngành phụ trách và hệ thống chỉ tiêu thống kê liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, liên kết vùng.”.	
Điều 22. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	5. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:	Phù hợp với việc sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính

LUẬT THỐNG KÊ SỐ 89/2015/QH13	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ	THUYẾT MINH
	“Điều 22. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	quyền địa phương 2 cấp.
1. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh là tập hợp các chỉ tiêu thống kê để hình thành hệ thống thông tin thống kê quốc gia và hệ thống thông tin thống kê cấp tỉnh. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện là tập hợp các chỉ tiêu thống kê để hình thành hệ thống thông tin thống kê cấp tỉnh và hệ thống thông tin thống kê cấp huyện. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp xã là tập hợp các chỉ tiêu thống kê để hình thành hệ thống thông tin thống kê cấp huyện. 2. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là cơ sở phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong hoạt động thống kê ở từng cấp và trong việc xây dựng chế độ báo cáo thống kê cấp bộ, ngành. 3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được xây dựng phù hợp với hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và đáp ứng yêu cầu quản lý của địa phương. 4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm sau đây: a) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc điều chỉnh, bổ sung hệ thống chỉ tiêu thống kê	1. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh là tập hợp các chỉ tiêu thống kê để hình thành hệ thống thông tin thống kê cấp tỉnh, hệ thống thông tin thống kê bộ, ngành và hệ thống thông tin thống kê quốc gia. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện là tập hợp các chỉ tiêu thống kê để hình thành hệ thống thông tin thống kê cấp tỉnh và hệ thống thông tin thống kê cấp huyện. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp xã là tập hợp các chỉ tiêu thống kê để hình thành hệ thống thông tin thống kê cấp xã, hệ thống thông tin thống kê cấp huyện tỉnh, hệ thống thông tin thống kê bộ, ngành. 2. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là cơ sở phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong hoạt động thống kê ở từng cấp và trong việc xây dựng chế độ báo cáo thống kê cấp bộ, ngành, chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã. 3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được xây dựng phù hợp với hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành và đáp ứng yêu cầu quản lý của địa phương. 4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư trưởng Bộ Tài chính có chịu	

LUẬT THỐNG KÊ SỐ 89/2015/QH13	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ	THUYẾT MINH
cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; b) Hướng dẫn, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.	trách nhiệm sau đây: a) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc điều chỉnh, bổ sung hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã;”. b) Hướng dẫn, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.	
Điều 27. Các loại điều tra thống kê 2. Điều tra thống kê ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia.	6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 27 như sau: “2. Tổng điều tra thống kê quốc gia và điều tra thống kê ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia.”.	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Điều 30 dự thảo Luật.
Điều 28. Chương trình điều tra thống kê quốc gia	7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 28 như sau:	
1. Chương trình điều tra thống kê quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định, được tiến hành định kỳ nhằm thu thập thông tin chủ yếu để tổng hợp các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia Chương trình điều tra thống kê quốc gia gồm tên cuộc điều tra, mục đích, đối tượng, đơn vị, loại điều tra, nội dung điều tra, thời kỳ, thời điểm điều tra và cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện.	a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau: “1. Chương trình điều tra thống kê quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định, được tiến hành định kỳ nhằm thu thập thông tin chủ yếu để tổng hợp các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia a) Chương trình điều tra thống kê quốc gia gồm tên cuộc điều tra, mục đích, đối tượng, đơn vị, loại điều tra, nội dung điều tra chủ yếu, thời kỳ, thời điểm kỳ điều tra và cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện.	- Phù hợp với thực tiễn triển khai chương trình điều tra thống kê quốc gia - Bổ sung căn cứ để các bộ, ngành xây dựng kế hoạch các cuộc điều tra thống kê, phương án điều tra, dự toán kinh phí và thực hiện các cuộc

LUẬT THỐNG KÊ SỐ 89/2015/QH13	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ	THUYẾT MINH
	b) Chương trình điều tra thống kê quốc gia là căn cứ để các bộ, ngành xây dựng kế hoạch các cuộc điều tra thống kê, phương án điều tra, dự toán kinh phí và thực hiện các cuộc điều tra thống kê.”.	điều tra thống kê trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia
3. Thẩm quyền quyết định tiến hành điều tra trong chương trình điều tra thống kê quốc gia được quy định như sau: a) Thủ tướng Chính phủ quyết định tiến hành tổng điều tra thống kê quốc gia; b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định tiến hành điều tra thống kê được phân công trong chương trình điều tra thống kê quốc gia.	b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau: “3. Thẩm quyền quyết định tiến hành điều tra trong chương trình điều tra thống kê quốc gia được quy định như sau: a) Thủ tướng Chính phủ Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định tiến hành tổng điều tra thống kê quốc gia quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 29. b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định tiến hành điều tra thống kê được phân công trong chương trình điều tra thống kê quốc gia. c) Thủ trưởng cơ quan thống kê trung ương quyết định tiến hành điều tra đối với các cuộc điều tra thống kê phân công Bộ Tài chính thực hiện trong chương trình điều tra thống kê quốc gia.”.	- Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 190/2025/QH15 - Nội dung này đã được quy định tại Nghị định số 130/2025/NĐ-CP

LUẬT THỐNG KÊ SỐ 89/2015/QH13	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ	THUYẾT MINH
Điều 29. Tổng điều tra thống kê quốc gia	8. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 29 như sau:	
b) Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan thực hiện tổng điều tra quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.	a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau: “ b. Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước thực hiện tổng điều tra quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.”.	- Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 190/2025/QH15 - Nội dung này đã được quy định tại Nghị định số 130/2025/NĐ-CP
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung tổng điều tra thống kê quốc gia.	b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau: “ 3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định điều chỉnh, bổ sung tổng điều tra thống kê quốc gia được phân công thực hiện. ”.	- Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 190/2025/QH15 - Nội dung này đã được quy định tại Nghị định số 130/2025/NĐ-CP
Điều 30. Điều tra thống kê ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia	9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và bổ sung điểm a1 trước điểm a khoản 1 Điều 30 như sau:	- Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị

LUẬT THỐNG KÊ SỐ 89/2015/QH13	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ	THUYẾT MINH
2. Thẩm quyền quyết định điều tra thống kê ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia được quy định như sau: a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định chương trình và tổ chức thực hiện điều tra thống kê quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này; b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chương trình và tổ chức thực hiện điều tra thống kê quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.	a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau: “a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định chương trình và tổ chức thực hiện tiến hành các cuộc điều tra thống kê quy định tại điểm a1, a và điểm b khoản 1 Điều này; b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chương trình và tổ chức thực hiện tiến hành các cuộc điều tra thống kê quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.”.	quyết số 190/2025/QH15 - Phù hợp với thực tiễn triển khai điều tra thống kê
	b) Bổ sung điểm a1 trước điểm a khoản 1 như sau: “a1) Tổng điều tra thống kê quốc gia theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 29;”.	Phù hợp với thực tiễn hoạt động thống kê.
Điều 31. Phương án điều tra thống kê	10. Sửa đổi, bổ sung điểm d, điểm g khoản 2 Điều 31 như sau:	Phù hợp với thực tiễn triển khai điều tra thống kê
2. Phương án điều tra thống kê gồm các nội dung chủ yếu sau đây:		
d) Thời điểm, thời gian và phương pháp điều tra;	a) Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:	

LUẬT THỐNG KÊ SỐ 89/2015/QH13	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ	THUYẾT MINH
	“d) Thời điểm, thời kỳ , thời gian thu thập thông tin và phương pháp điều tra;”.	
g) Quy trình xử lý và biểu đầu ra của điều tra;	b) Sửa đổi, bổ sung điểm g như sau: “g) Quy trình xử lý thông tin, tổng hợp kết quả và biểu đầu ra của điều tra ;”.	
Điều 32. Thẩm định phương án điều tra thống kê 3. Nội dung thẩm định gồm mục đích, phạm vi, đối tượng, đơn vị điều tra; loại điều tra; thời điểm, thời gian và phương pháp điều tra; nội dung, phiếu điều tra và phân loại thống kê sử dụng trong điều tra.	11. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 32 như sau: “3. Nội dung thẩm định gồm mục đích, phạm vi, đối tượng, đơn vị điều tra; loại điều tra; thời điểm, thời kỳ , thời gian thu thập thông tin và phương pháp điều tra; nội dung, phiếu điều tra và phân loại thống kê sử dụng trong điều tra.”.	Phù hợp với sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 31
Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được điều tra thống kê 2. Tổ chức, cá nhân được điều tra thống kê có các nghĩa vụ sau đây: c) Chịu sự kiểm tra của cơ quan tiến hành điều tra thống kê và thanh tra chuyên ngành thống kê về thông tin đã cung cấp.	12. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 33 như sau: “c) Chịu sự kiểm tra của cơ quan tiến hành điều tra thống kê và thanh tra chuyên ngành thống kê về thông tin đã cung cấp. ”.	Phù hợp với quy định pháp luật về thanh tra, cụ thể không quy định hoạt động thanh tra chuyên ngành
Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của điều tra viên thống kê	13. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 34 như sau:	Phù hợp với hình thức thu thập thông tin

LUẬT THỐNG KÊ SỐ 89/2015/QH13	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ	THUYẾT MINH
2. Điều tra viên thống kê có các nghĩa vụ sau đây: a) Thực hiện thu thập thông tin theo đúng phương án điều tra thống kê và hướng dẫn của cơ quan tiến hành điều tra thống kê;	“a) Thực hiện, hướng dẫn thu thập thông tin theo đúng phương án điều tra thống kê và hướng dẫn của cơ quan tiến hành điều tra thống kê;”.	thông qua Webform hiện nay của ngành Thống kê
Điều 40. Chế độ báo cáo thống kê	14. Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 40 như sau:	
1. Chế độ báo cáo thống kê gồm:	“c) Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã.”.	- Phù hợp với quy định của Điều 22. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã; - Bảo đảm thu thập thông tin thống kê phục vụ quản lý, điều hành ở cấp xã
Điều 42. Chế độ báo cáo thống kê cấp bộ, ngành	15. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 42 như sau:	Phù hợp với việc sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp
2. Cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê cấp bộ, ngành gồm: a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; cơ quan chuyên môn thuộc bộ, cơ quan ngang Bộ đặt tại địa phương;	“a) Bộ, ngành và các cơ quan có liên quan; tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khác của bộ, ngành; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; Tòa án nhân dân cấp tỉnh, khu vực; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, khu vực; cấp huyện cơ quan chuyên môn thuộc bộ, cơ quan ngang Bộ đặt tại địa phương;”.	

LUẬT THỐNG KÊ SỐ 89/2015/QH13	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ	THUYẾT MINH
	16. Bổ sung Điều 42b sau Điều 42 như sau: “Điều 42b. Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã 1. Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã được thực hiện để thu thập thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã và tổng hợp các thông tin thống kê khác phục vụ yêu cầu quản lý trên địa bàn. 2. Cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã gồm: a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; Tòa án nhân dân cấp tỉnh, khu vực; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, khu vực; cơ quan thống kê cấp tỉnh, cơ sở; cơ quan thuế cấp tỉnh, cơ sở; cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh, cơ sở; cơ quan khác trên địa bàn cấp xã; b) Cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật. 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm ban hành chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã.”.	- Phù hợp với quy định của Điều 22. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã - Bảo đảm thu thập thông tin thống kê phục vụ quản lý, điều hành ở cấp xã
Chương V. Nghiên cứu, ứng dụng phương pháp thống kê, công nghệ thông tin - truyền thông và hợp	17. Sửa đổi, bổ sung tên chương V như sau: “Chương V. Nghiên cứu, ứng dụng phương pháp thống kê, công	

LUẬT THỐNG KÊ SỐ 89/2015/QH13	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ	THUYẾT MINH
tác quốc tế trong hoạt động thống kê nhà nước	nghệ thông tin – truyền thông , chuyển đổi số và hợp tác quốc tế trong hoạt động thống kê nhà nước”.	
Điều 51. Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông	18. Sửa đổi, bổ sung tên điều, khoản 1 và khoản 3 Điều 51 như sau: a) Sửa đổi, bổ sung tên điều như sau: “Điều 51. Phát triển, và ứng dụng công nghệ thông tin – truyền thông và chuyển đổi số ”	Phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết gọn là Nghị quyết số 57-NQ/TW)
1. Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông tiên tiến trong hoạt động thống kê nhà nước bao gồm: a) Hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin của hệ thống tổ chức thống kê nhà nước; b) Hệ thống cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tập trung, thống nhất do cơ quan thống kê Trung ương quản lý, gồm các cơ sở dữ liệu thống kê của hệ thống thống kê tập trung và các cơ sở dữ liệu thống kê được hình thành từ nguồn dữ liệu hành chính quy định tại Luật này; kết nối hệ thống cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau: “1. Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển, và ứng dụng công nghệ thông tin – truyền thông tiên tiến và chuyển đổi số trong hoạt động thống kê nhà nước gồm: a) Hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin của hệ thống tổ chức thống kê nhà nước; b) Hệ thống Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tập trung, thống nhất do cơ quan thống kê trung ương quản lý, gồm các cơ sở dữ liệu thống kê của hệ thống thống kê tập trung và các cơ sở dữ liệu thống kê được hình thành từ nguồn dữ liệu hành chính quy định tại Luật	Phù hợp với quy định của các luật liên quan: Nghị quyết số 57-NQ/TW, Luật Dữ liệu, luật An ninh mạng,...

LUẬT THỐNG KÊ SỐ 89/2015/QH13	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ	THUYẾT MINH
với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu bộ, ngành để cung cấp, cập nhật thông tin; c) Hệ thống cơ sở dữ liệu thống kê của bộ, ngành và kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia; d) Phần mềm ứng dụng; đ) Các phương tiện, phương pháp thu thập và phổ biến thông tin tiên tiến gồm máy tính bảng, điện thoại thông minh, máy tính xách tay, phiếu điện tử, phiếu thu thập thông tin trực tuyến, công nghệ ảnh vệ tinh, hệ thống thông tin địa lý và các phương tiện, phương pháp thu thập, phổ biến thông tin thống kê tiên tiến khác.	này; kết nối hệ thống cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu chuyên bộ, ngành và địa phương để cung cấp, cập nhật thông tin; c) Hệ thống Cơ sở dữ liệu thống kê chuyên của bộ, ngành và kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia; d) Phần mềm ứng dụng, phần mềm nền tảng; đ) Các phương tiện, phương pháp thu thập, và phổ biến thông tin tiên tiến gồm máy tính bảng, điện thoại thông minh, máy tính xách tay, phiếu điện tử, phiếu thu thập thông tin trực tuyến, công nghệ ảnh vệ tinh, hệ thống thông tin địa lý và các phương tiện, phương pháp thu thập, phổ biến thông tin thống kê tiên tiến khác xử lý, tích hợp, phân tích và phổ biến thông tin tiên tiến.”.	
3. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức, điều phối hoạt động phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông thống nhất, bảo đảm đồng bộ hóa, tin học hóa, quy trình hóa trong hoạt động thống kê nhà nước. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tổ chức thực hiện việc phát	c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau: “3. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Bộ Tài chính tổ chức, điều phối hoạt động phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin—truyền thông và chuyển đổi số thống nhất, bảo đảm đồng bộ hóa, tin học hóa, quy trình hóa trong hoạt động thống kê nhà nước. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện	- Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 190/2025/QH15 - Nội dung này đã được quy định tại Nghị định số 130/2025/NĐ-CP

LUẬT THỐNG KÊ SỐ 89/2015/QH13	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ	THUYẾT MINH
triển, ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong hoạt động thống kê của bộ, ngành, địa phương.	kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tổ chức thực hiện việc phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin—truyền thông và chuyển đổi số trong hoạt động thống kê của bộ, ngành, địa phương.”.	
	19. Bổ sung Điều 51b sau Điều 51 như sau: “Điều 51b. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia 1. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia là tập hợp các dữ liệu thống kê, thông tin thống kê, thông tin thống kê từ các cơ sở dữ liệu liên quan trên phạm vi toàn quốc được kết nối, tích hợp, chuẩn hóa, lưu trữ, cập nhật, quản lý tập trung và vận hành thống nhất. 2. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia do cơ quan thống kê trung ương chủ trì xây dựng, quản lý và cập nhật; bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm cung cấp, cập nhật dữ liệu thống kê được phân công. 3. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia được cập nhật định kỳ từ các nguồn: điều tra thống kê, chế độ báo cáo thống kê, dữ liệu hành chính, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, địa phương và các nguồn dữ liệu hợp pháp khác; bảo đảm tính chuẩn hóa, thống nhất, đầy đủ, chính xác và kịp thời.	Phù hợp với quy định của các luật liên quan: Nghị quyết số 57-NQ/TW, Luật Dữ liệu, luật An ninh mạng,...

LUẬT THỐNG KÊ SỐ 89/2015/QH13	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ	THUYẾT MINH
	4. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia được kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu quốc gia. Khi kết nối, chia sẻ dữ liệu phải bảo đảm bảo mật, an toàn thông tin và quyền riêng tư theo quy định của pháp luật.”.	
Điều 53. Sử dụng cơ sở dữ liệu thống kê do cơ quan thống kê trung ương quản lý	20. Bổ sung điểm a1 trước điểm a khoản 2 Điều 53 như sau: “a1) Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia;”	
Điều 62. Hệ thống tổ chức thống kê tập trung	21. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 5 Điều 62 như sau:	
3. Cơ quan thống kê Trung ương là cơ quan thống kê quốc gia, thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý nhà nước về thống kê, điều phối hoạt động thống kê, tổ chức các hoạt động thống kê và cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội cho các tổ chức, cá nhân.	a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau: “3. Cơ quan thống kê trung ương là cơ quan thống kê quốc gia thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Bộ Tài chính quản lý nhà nước về thống kê; tổ chức thực hiện hoạt động thống kê ; điều phối hoạt động thống kê; tổ chức các hoạt động thống kê và cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định; thực hiện vai trò trung tâm kết nối, tích hợp, quản lý thống nhất cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia ”.	Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ)

LUẬT THỐNG KÊ SỐ 89/2015/QH13	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ	THUYẾT MINH
5. Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của hệ thống tổ chức thống kê tập trung.	b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau: “5. Chính phủ Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của hệ thống tổ chức thống kê tập trung.”.	Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 190/2025/QH15
Điều 64. Hoạt động thống kê tại đơn vị hành chính cấp xã	22. Sửa đổi, bổ sung Điều 64 như sau:	
Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thống kê phục vụ yêu cầu quản lý của cấp xã, thực hiện điều tra thống kê và chế độ báo cáo thống kê của nhà nước.	“Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thống kê phục vụ yêu cầu quản lý của cấp xã; phối hợp , thực hiện điều tra thống kê và chế độ báo cáo thống kê của nhà nước.”.	Bổ sung để phản ánh đầy đủ hoạt động thống kê tại đơn vị hành chính cấp xã.
Điều 8. Thanh tra chuyên ngành thống kê 1. Thanh tra chuyên ngành thống kê là hoạt động thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành pháp luật về thống kê, quy định về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực thống kê. Cơ quan thống kê Trung ương chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện thanh tra chuyên ngành thống kê trong phạm vi cả nước. Cơ quan thống kê tập trung tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cơ quan	23. Thay thế Điều 8 như sau: “Điều 8. Kiểm tra chuyên ngành thống kê 1. Kiểm tra chuyên ngành thống kê là việc xem xét, đánh giá, xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền đối với việc chấp hành pháp luật về thống kê của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý nhà nước về thống kê. 2. Kiểm tra chuyên ngành thống kê thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành.”.	- Phù hợp với quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành; - Hình thành hàng lang pháp lý để thực hiện hoạt động kiểm tra chuyên ngành thống kê

LUẬT THỐNG KÊ SỐ 89/2015/QH13	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ	THUYẾT MINH
thống kê cấp tỉnh) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thanh tra chuyên ngành thống kê tại địa phương. 2. Thanh tra chuyên ngành thống kê có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Thanh tra việc chấp hành pháp luật về thống kê và các quy định về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực thống kê của cơ quan, tổ chức, cá nhân; b) Phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về thống kê. 3. Hoạt động thanh tra chuyên ngành thống kê, quyền và nghĩa vụ của trưởng đoàn thanh tra, thanh tra viên, công chức được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thống kê thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra. 4. Chính phủ quy định chi tiết về thanh tra chuyên ngành thống kê.		
Điều 16. Hệ thống thông tin thống kê cấp huyện 1. Hệ thống thông tin thống kê cấp huyện gồm: a) Thông tin thống kê do cơ quan thống kê tập trung tại đơn vị hành chính cấp huyện (sau đây gọi chung là cơ quan thống kê cấp huyện) thực hiện;	24. Thay thế Điều 16 như sau: “Điều 16. Hệ thống thông tin thống kê cấp xã 1. Hệ thống thông tin thống kê cấp xã phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của đơn vị hành chính cấp xã.	Phù hợp với việc sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp

LUẬT THỐNG KÊ SỐ 89/2015/QH13	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ	THUYẾT MINH
b) Thông tin thống kê do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc bộ, cơ quan ngang Bộ tại đơn vị hành chính cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện, cung cấp cho cơ quan thống kê cấp huyện tổng hợp. 2. Người đứng đầu cơ quan thống kê cấp huyện chịu trách nhiệm quản lý hệ thống thông tin thống kê cấp huyện. Người đứng đầu cơ quan quy định tại điểm b khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm quản lý thông tin thống kê trong phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.	2. Hệ thống thông tin thống kê cấp xã gồm: a) Thông tin thống kê do cơ quan thống kê cơ sở thực hiện. b) Thông tin thống kê do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, Tòa án nhân dân khu vực, Viện kiểm sát nhân dân khu vực, cơ quan thuế cơ sở, cơ quan bảo hiểm xã hội cơ sở và các cơ quan khác trên địa bàn cấp xã thực hiện, cung cấp cho cơ quan thống kê cơ sở tổng hợp. 3. Người đứng đầu cơ quan thống kê cơ sở chịu trách nhiệm quản lý hệ thống thông tin thống kê cấp xã. Người đứng đầu cơ quan quy định tại điểm b khoản 2 Điều này chịu trách nhiệm quản lý thông tin thống kê trong phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.”.	
Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê 2. Cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê có các nghĩa vụ sau đây: đ) Chịu sự kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp	25. Bãi bỏ điểm đ khoản 2 Điều 44 như sau:	Phù hợp với quy định của Luật Thanh tra

LUẬT THỐNG KÊ SỐ 89/2015/QH13	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ	THUYẾT MINH
vụ thống kê của thanh tra chuyên ngành thống kê.		
	26. Bãi bỏ, thay thế một số cụm từ như sau: a) Bãi bỏ cụm từ “cấp huyện” tại điểm d khoản 2 Điều 48 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 01/2021/QH15), khoản 3 Điều 52; khoản 2 Điều 59; b) Bãi bỏ cụm từ “cơ quan chuyên môn thuộc bộ, cơ quan ngang bộ tại đơn vị hành chính cấp tỉnh” tại điểm b khoản 2 Điều 15; c) Thay thế cụm từ “cấp huyện” thành “cấp xã” tại khoản 4 Điều 12, khoản 3 Điều 13, khoản 1 Điều 42; d) Thay thế cụm từ “cấp huyện” thành “cấp cơ sở” tại khoản 4 Điều 62; đ) Thay thế cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Bộ Tài chính” tại khoản 2 Điều 7; khoản 3 Điều 13; khoản 6 Điều 17 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Luật số 01/2021/QH15); khoản 4 Điều 24; khoản 2 Điều 28; khoản 3 Điều 50; khoản 3 Điều 52; khoản 3 Điều 60, khoản 2 Điều 62; e) Thay thế cụm từ “20 ngày” thành “10 ngày, trong trường hợp có nội dung phức tạp, thời gian thẩm định không quá 20 ngày” tại khoản 4 Điều 20, khoản 4 Điều 26, khoản 4 Điều 32, khoản 4 Điều 43.	- Phù hợp với việc sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp - Phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức tòa án nhân dân - Phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức viện kiểm sát nhân dân - Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 190/2025/QH15

LUẬT THỐNG KÊ SỐ 89/2015/QH13	DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ	THUYẾT MINH
	Điều 2. Điều khoản thi hành Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.	